

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/DS-PT

Ngày: 12/01/2024

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: + Ông Trương Vĩnh Hữu

+ Ông Huỳnh Văn Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 531/2023/TLPT-DS ngày 13/12/2023 về việc tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1055/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Số B đường B, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số H H, khu phố B, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Ông Trần Văn L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 3 L, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị C, sinh năm 1963;

Hộ khẩu thường trú: khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

-Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Đăng K, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn - bà Đinh Thị C.

(Có mặt ông T, anh L, bà C và anh K).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo án sơ thẩm;

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H là chủ sử dụng thửa đất diện tích 1279,1 m² tại ấp M, xã N, huyện C (nay là khu phố M, phường N, thị xã C), tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất là của cha ruột bà tên Nguyễn Văn K1 tặng cho bà.

Giai đoạn năm 1978 - 1982, Nhà nước trưng dụng một phần thửa đất nêu trên để làm kênh máng nổi phục vụ nhu cầu của nhân dân, diện tích còn lại bà H sử dụng trồng lúa. Theo hồ sơ 299 thì phần đất còn lại của bà H tương ứng với thửa đất 870 và 872 được ghi tên vào sổ địa chính tại Ủy ban nhân dân xã N.

Năm 1993, bà H bán lại cho ông Lê Văn C1 là cha chồng của bà Đinh Thị C thửa đất số 870 và thửa đất số 872. Ông C1 chết ngày 07/3/2009 để lại cho con trai là Lê Văn Bé T1 quản lý, sử dụng. Ông Bé T1 chết ngày 19/11/2010, từ đó về sau bà Đinh Thị C là vợ của ông B T1 quản lý, sử dụng cho đến nay. Quá trình sử dụng 02 thửa đất của ông C1 để lại, bà Đinh Thị C đã lấn chiếm và sử dụng luôn phần đất kênh máng nổi có nguồn gốc của bà H.

Năm 2018-2019, Ủy ban nhân dân thị xã C có chủ trương trả lại phần đất kênh máng nổi cho chủ sử dụng cũ, bà H đã liên hệ với Ủy ban nhân dân Phường N để đăng ký kê khai thì bà Đinh Thị C tranh chấp.

Bà Đinh Thị C đã lấn chiếm một phần đất kênh máng nổi có nguồn gốc là của bà H với diện tích khoảng 275 m², phần đất kênh máng nổi còn lại bà H đã được kê khai và chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 1180 tờ bản đồ 11).

Bà H có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường N hòa giải nhưng không thành. Tại phiên hòa giải bà Đinh Thị C thừa nhận nguồn gốc đất kênh máng nổi là của bà H và xác định đã mua phần đất kênh máng nổi.

Bà H khẳng định khi chuyển nhượng đất cho ông Lê Văn C1 thì phần đất làm kênh máng nổi do Nhà nước quản lý nên không có bán cho ông C1 mà ông C1 và gia đình đã tự ý lấn chiếm để sử dụng.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Đinh Thị C trả lại cho bà Nguyễn Thị H diện tích đất khoảng 275 m² thuộc một phần của thửa đất số 1272, tờ bản đồ số 11 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và bà H được đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận thửa đất theo quy định.

-Bị đơn là bà Đinh Thị C có đơn yêu cầu phản tố trình bày:

Vào khoảng năm 1986, bà Nguyễn Thị H có chuyển nhượng cho bà diện tích đất khoảng 1300m² bao gồm luôn cả phần kênh máng nổi để làm đường nước và đường đi, đất tại địa chỉ khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, với giá chuyển nhượng là 09 chỉ vàng 24K. Bà đã giao đủ vàng cho bà H, bà H đã giao đất cho bà quản lý, sử dụng ổn định xây nhà và trồng cây lâu năm cho đến nay đã trên 30 năm mà không có ai tranh chấp. Sau khi chuyển nhượng đất, bà H về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống không có quay về địa phương. Quá trình sử dụng đất bà C làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận nhưng không được cấp giấy đối với phần đất kênh máng nổi do nhà nước trưng dụng. Mặc dù bà không được cấp giấy chứng nhận nhưng thực tế phần đất kênh máng nổi bà vẫn quản lý, sử dụng. Đến năm 2018, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất kênh máng nổi cho người dân thì bà có làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký đo đạc nhưng đến nay chưa được cấp giấy. Đến tháng 3/2023, bà H có đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất với bà tại Ủy ban nhân dân phường N yêu cầu bà trả lại diện tích 275 m² đất kênh máng nổi thuộc một phần của thửa đất 1272 tờ bản đồ số 11 tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Bà H đã chuyển nhượng đất cho bà và chuyển đến nơi khác từ lâu không có quản lý sử dụng đất nhưng lại khởi kiện đòi lại phần đất kênh máng nổi là không đúng.

Bà Đinh Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận diện tích đất khoảng 275m² thuộc một phần của thửa đất số 1272, tờ bản đồ số 11 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bà Đinh Thị C và bà C được đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận thửa đất theo quy định.

*Bản án Dân sự sơ thẩm số 91/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự; tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Đinh Thị C trả diện tích đất 63,9 m².

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu phản tố của bà Đình Thị C đối với diện tích đất 63,9 m².

3. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Nguyễn Thị H.

- Buộc bà Đình Thị C phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H diện tích đất 211,1 m² thửa 1441 thuộc một phần đất kênh máng nổi thửa 1272, đất tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Sơ đồ vị trí thửa đất đính kèm theo bản án này).

- Bà Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Ghi nhận bà Nguyễn Thị H tự nguyện thanh toán lại giá trị cây trồng và tài sản trên đất cho bà Đình Thị C số tiền là 40.898.750 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đình Thị C cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bà Nguyễn Thị H được quản lý, sử dụng cây trồng và tài sản trên thửa đất số 1441 mà không ai được quyền cản trở.

4. Không chấp nhận phần yêu cầu phản tố còn lại của bà Đình Thị C yêu cầu công nhận diện tích đất 211,1 m² thửa 1441 thuộc một phần đất kênh máng nổi thửa 1272, đất tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là của bà Đình Thị C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 02/10/2023, bị đơn bà Đình Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Đình Thị C thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Xem xét công sức của bà C để cho bà C được quyền sử dụng ½ diện tích đất tranh chấp khoảng 105m².

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Đình Thị C và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Đinh Thị C còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa, bà Đinh Thị C và người đại diện theo ủy quyền của bà C thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức cải tạo, bồi thổ đất của bà C để cho bà C được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp khoảng 105m².

Xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị C nằm trong phạm vi kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết:

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

- Diện tích đất 02 bên tranh chấp đo đạc thực tế là 211,1m² thuộc kênh máng nổi nằm trong một phần của thửa 1272, tờ bản đồ 11, tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Hiện nay thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào.

- Về nguồn gốc đất:

Nhà nước vận động làm kênh máng nổi để lấy nước phục vụ chung cộng đồng vào cuối năm 1981, đến đầu năm 1982 thì đưa vào sử dụng. Tại thời điểm lập kênh máng nổi thì bà Nguyễn Thị H là người đang trực tiếp, quản lý thửa đất số 639A có kênh máng nổi đi qua, thể hiện trên sơ đồ 299 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cung cấp.

Tại phiên tòa các bên thống nhất trình bày: Thời điểm bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng đất cho ông Lê Văn C1 sau khi có kênh máng nổi và chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm ngoài phần đất thuộc kênh máng nổi. Bà C xác định khi mua đất có mua luôn phần kênh máng nổi nhưng không được bà H thừa nhận. Thực tế bà C chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận chuyển nhượng của bà H đối với diện tích đất nằm ngoài kênh máng nổi do Nhà nước quản lý.

- Về hiện trạng quản lý, sử dụng:

Bà Đinh Thị C là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất có vị trí liền kề với một phần đất kênh máng nổi đang tranh chấp. Quá trình sử dụng thửa đất đã nhận chuyển nhượng của bà H thì bà C lấn chiếm và sử dụng luôn cả phần đất tranh chấp thuộc kênh máng nổi. Tại phiên tòa, bà C thừa nhận phần đất đang tranh chấp chỉ do một mình bà quản lý, sử dụng và cây trồng, vật kiến trúc trên đất là của bà, không liên quan đến bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản xác định tài sản trên đất kênh máng nổi đang tranh chấp trong vụ án gồm:

+ 01 phần nhà ở diện tích 7,2 m² có kết cấu nền lót gạch men, cột bê tông cốt thép, vách xây gạch trị giá 12.204.000 đồng (7,2 x 3.390.000 x 50%);

+ 01 mái che tôn diện tích 14,5 m² nền xi măng, cốt thép, mái lợp tôn trị giá 3.356.750 đồng;

+ 15 cây mít trị giá 8.535.000 đồng;

+ 05 cây dừa trị giá 8.800.000 đồng;

+ 01 cây lộc vừng trị giá 780.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất tranh chấp là 32.898.750 đồng.

Xét, tại thời điểm hai bên chuyển nhượng đất thì diện tích đất kênh máng nổi do Nhà nước quản lý, nên bà C xác định đã nhận chuyển nhượng luôn đất kênh máng nổi là không phù hợp. Thực tế bà C chỉ quản lý, sử dụng một phần của đất kênh máng nổi có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị H, một phần còn lại do người chủ sử dụng đất liền kề hướng Nam giáp kênh máng nổi lấn chiếm, sử dụng và đã trả lại cho bà H, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đơn khởi kiện bà H xác định thửa đất có kênh máng nổi đi qua không đúng hồ sơ 299 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cung cấp nhưng thực tế hai bên xác định đúng vị trí đất tranh chấp nằm trong thửa đất do bà Nguyễn Thị H đứng tên sổ bộ địa chính và sơ đồ thể hiện kênh máng nổi đi qua thửa đất của bà H đứng tên.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp 211,1m² (đất kênh máng nổi) có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị H nên bà H khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị C là người đang quản lý, sử dụng phải có nghĩa vụ trả lại cho bà và bà được đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo chủ

trương của Nhà nước về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất kênh máng nổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự và Điều 100 của Luật Đất đai nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tài sản trên thửa đất buộc bà Đinh Thị C trả cho bà H được các bên xác định thống nhất tại phiên tòa là của cá nhân bà C. Theo biên bản định giá tài sản xác định tổng trị giá là 32.898.750 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H xác định bà H tự nguyện thanh toán lại cho bà Đinh Thị C giá trị tài sản với số tiền 32.898.750 đồng theo giá của Hội đồng định giá đã định là có căn cứ nên được ghi nhận.

Ngoài ra bà H tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà C số tiền 5.000.000 đồng công bồi thổ đất và 3.000.000 đồng là trên cơ sở tự nguyện, có lợi cho bà C, bởi lẽ: Bà C đã quản lý, khai thác và hưởng lợi ích trên đất tranh chấp thời gian dài mà không phải nộp thuế cho nhà nước là đã bù đắp một phần công bồi thổ của bà C và gia đình.

Tại phiên tòa, bà C và người đại diện theo ủy quyền có yêu cầu Tòa án xem xét công sức bồi thổ, cải tạo đất của bà C để cho bà C được quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và không được sự đồng ý của bà H nên yêu cầu của bà C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị C là có căn cứ phù hợp pháp luật. Bà C kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà Đinh Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị C.

Giữ nguyên Bản án Dân sự số 91/2023/DS-ST ngày 30-9-2023 của Tòa án nhân dân Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, 5 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. 1. Đình chỉ xét xử một phần yêu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Đình Thị C trả diện tích đất 63,9 m².

1. 2. Đình chỉ xét xử một phần yêu phản tố của bà Đình Thị C đối với diện tích đất 63,9 m².

1. 3. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Nguyễn Thị H.

- Buộc bà Đình Thị C phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H diện tích đất 211,1m² thửa 1441 tờ bản đồ số 11 thuộc một phần đất kênh máng nổi thửa 1272, đất tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ vị trí thửa đất đính kèm theo bản án này).

- Bà Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất nêu trên.

- Ghi nhận bà Nguyễn Thị H tự nguyện thanh toán lại giá trị cây trồng và tài sản trên đất cho bà Đình Thị C số tiền là 40.898.750 đồng (Bốn mươi triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đình Thị C cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bà Nguyễn Thị H được quản lý, sử dụng cây trồng và tài sản trên thửa đất số 1441 mà không ai được quyền cản trở.

1.4. Không chấp nhận phần yêu cầu phản tố còn lại của bà Đình Thị C yêu cầu công nhận diện tích đất 211,1 m² thửa 1441 thuộc một phần đất kênh máng nổi thửa 1272, đất tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là của bà Đình Thị C.

2/- Về án phí:

- Bà Đinh Thị C phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, tổng cộng 900.000 đồng. Bà C đã nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng theo các biên lai số 0018636 ngày 30/6/2023 và 0018695 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã C, tỉnh Tiền Giang, nên bà C còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Thị xã C;
- CCTHADS Thị xã C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy